

PHỤ LỤC 2
BẢNG QUY ĐỔI ĐIỂM CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH

IELTS (Academic)	TOEFL (iBT)	TOEFL (ITP)	Cambridge English Scale	PTE (Academic)	Thang điểm 10 (Áp dụng với thí sinh sử dụng chứng chỉ tiếng Anh để miễn thi tốt nghiệp THPT)	Thang điểm 30 (Áp dụng với thí sinh sử dụng chứng chỉ tiếng Anh để miễn thi môn tiếng Anh - Bài thi kiến thức)
5.0	35 - 45	500	154	29	7,0	21
5.5	46 - 59	542	162	36	7,5	24,5
6.0	60 - 78	560	169	46	8,0	28
6.5	79 - 93	589	176	56	8,5	30
7.0	94 - 101	626	185	66	9,0	30
7.5	102 - 109	649	191	73	9,5	30
8.0	110 - 114	657	200	79	10,0	30
8.5	115 - 117	666	205	83	10,0	30
9.0	118 - 120	677	209+	87	10,0	30